

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/HNGĐ -ST.

Ngày: 21 - 11 - 2018.

V/v: tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ ,TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trí

Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký tòa án nhân dân thị xã
Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham
gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh
Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2018/TLST- HNGĐ ngày
17 tháng 9 năm 2018; về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi
ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2018/QĐXXST- HNGĐ
ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn Đâu 1, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ , tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Nậm Đông 1, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên
tòa nguyên đơn chị N trình bày:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các
đương sự số: 62/2016/HNGĐ - ST ngày 28 tháng 12 năm 2016, của Tòa án nhân
dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, đã quyết định: Chị và anh Lò Văn N thuận
tình ly hôn, về con chung: .." Cháu Lò Đức D sinh ngày 01/4/2009 anh N trực
tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng, không ai được ngăn cản quyền
thăm nom con chung". Tuy nhiên, sau khi ly hôn, chị đến gặp cháu Lò Đức D

nhưng đều bị bố mẹ anh N ngăn cản chị thăm gặp con. Nhiều khi nhớ con chị phải ra trường học của con mới gặp được. Cháu Lò Đức D tâm sự với chị là cuộc sống của cháu rất buồn và có nguyện vọng được về ở cùng với chị. Anh Lò Văn N đi làm xa (Tại Hà Nội) không quan tâm, chăm sóc cháu, cháu D được gửi cho ông bà nội.... Hơn nữa, theo chị N cho biết anh đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Nay cháu D có nguyện vọng muốn được ở với chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Hiện nay chị đang làm công ty TNHH Việt Hoàng có địa chỉ tại Cầu Thia, Phù Nham, Văn Chấn, Yên Bái với mức lương là 6.000.000đ/tháng. Bên cạnh đó chị còn được bố đẻ là ông Đồng Văn Kh trú tại thôn Đâu 1 xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tặng cho một diện tích đất thổ cư khoảng 110m² nay đã làm nhà.

Ý kiến của anh Lò Văn N: Anh tuy không trực tiếp chăm sóc con nhưng anh đi làm có tiền lương về đều đưa cho bố mẹ để chi tiêu cho gia đình, đóng tiền ăn, học cho cháu D mọi việc chăm sóc cháu D là do ông bà nội lo, Anh ít có điều kiện để gần gũi cháu D do đặc thù công việc. Nay chị N đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu D từ anh sang cho chị anh không nhất trí, Anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu D vì sau khi ly hôn anh vẫn nuôi cháu D tốt. Anh xác định đủ điều kiện nuôi cháu và cam đoan không ngăn cản chị N thăm con.

Ý kiến của cháu D: Sau khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu ở với bố cháu và ông bà nội. Hằng ngày bố cháu đi làm xa, việc chăm sóc cháu hoàn toàn do ông bà nội hoặc chú thím, Mỗi lần muốn gặp, mẹ cháu đều phải đến trường học để gặp. Nay nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị N; giao cháu Lò Đức D cho chị Đồng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của

kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và về **quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Chị Đồng Thị N và anh Lò Văn N đều có Hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Nay chị Nguyệt khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái theo khoản 3 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Cháu Lò Đức D là con chung của anh chị, sau khi ly hôn cháu D được giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên sau khi ly hôn anh N và bố mẹ anh N đã ngăn cản không cho chị N thăm nom, chăm sóc con. Việc làm này của anh N vi phạm quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, anh N được Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi cháu D nhưng anh đã không trực tiếp chăm sóc con mà phó mặc cho bố mẹ anh nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, anh chỉ biết đi làm và đưa tiền cho bố mẹ tự trang trải cuộc sống trong gia đình. Điều đó phù hợp với lời khai của anh và ý kiến của anh tại biên bản hòa giải. Điều này cho thấy anh N không thực hiện được nghĩa vụ trực tiếp nuôi con của mình. Trẻ em cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của cả cha lẫn mẹ, mặc dù cháu D được giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh N lại nhờ bố mẹ anh nuôi dưỡng hộ, anh chỉ chu cấp tiền hàng tháng để chi phí nuôi con là không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu D.

Xét về điều kiện nuôi con của chị N, chị đi làm công ty TNHH Việt Hoàng có địa chỉ tại Cầu Thia, Phù Nham, Văn Chấn, Yên Bái với mức lương là 6.000.000đ/tháng, có nơi cư trú ổn định, còn anh N đi làm xa, lao động tự do, nên điều kiện kinh tế để nuôi con sẽ không tốt bằng chị N. Do đó, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Đồng Thị N là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:chị Đồng Thị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị N về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

1. Buộc anh Lò Văn N có nghĩa vụ giao cháu Lò Đức D sinh ngày 01/4/2009 cho chị Đồng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Chị Đồng Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001657 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Chị Nguyệt đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa An, TXNL
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng